

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 90**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không**

**Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ một, dòng thứ năm đọc từ dưới lên, xem từ câu “*tôn giả A Nan đẳng*” (tôn giả A Nan v.v...):

“*Tôn giả A Nan đẳng, Đường, Tổng dịch tác A Nan Đà, lược xưng A Nan, dịch viết Khánh Hỷ, Hoan Hỷ, hựu vân Vô Nhiễm, nữ Bạch Phạn Vương chi tử, Phật chi đường đệ dã. Sanh ư Phật thành đạo nhật, Tịnh Phạn Vương ký văn Thái Tử thành Phật, hựu văn cung trung đản tử, cánh tăng hoan hỷ, nữ viết: ‘Kim nhật đại cát, thị hoan hỷ nhật’. Ngữ lai sứ ngôn, thị nhi đương tự vi A Nan*” (“Tôn giả A Nan v.v...”: Đồi Đường, Tổng dịch là A Nan Đà (Ānanda), gọi tắt là A Nan, Hán dịch là Khánh Hỷ, Hoan Hỷ, còn dịch là Vô Nhiễm. Ngài là con của vua Bạch Phạn (Śuklodana), em họ của Phật, sanh nhằm ngày Phật thành đạo. Vua Tịnh Phạn (Suddhodana) nghe tin Thái Tử thành Phật, lại nghe trong cung sanh con trai càng thêm hoan hỷ, bèn phán: “Hôm nay đại cát, là ngày hoan hỷ”, bảo với sứ giả: “Đứa trẻ ấy nên đặt tên là A Nan”). Chúng ta xem tới đây. Ở đây, sau “*tôn giả A Nan*” có chữ Đẳng (等), Đẳng là còn có những người khác, vì trong năm bản dịch gốc, bản kê tên nhiều nhất có hơn ba mươi vị, khi cụ Hạ hội tập, đã chọn lấy những vị mang tính chất biểu thị pháp trọng yếu, những vị khác đều tinh lược; vì thế, dùng chữ Đẳng. Bản Đường dịch và Tổng dịch đều phiên âm là A Nan Đà, Đà là âm cuối, người Trung Quốc, đặc biệt là cổ nhân Trung Quốc chuộng đơn giản, nên lược bớt âm cuối. Giống như chữ Phật, sau chữ Phật có âm cuối, tức Phật Đà Da, âm cuối cũng bị tinh lược. Vì thế, gọi gọn là A Nan, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Khánh Hỷ, hoặc Hoan Hỷ, cũng có nghĩa là Vô Nhiễm, Ngài là con của vua Bạch Phạn. Cha của đức Thế Tôn là vua Tịnh Phạn có bốn anh em, mỗi người đều có hai con trai. Vì thế, Phật Thích Ca có tám người anh em họ. Trong số tám người anh em họ, đức Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất, đứng vào hàng thứ tám. A Nan sanh nhằm ngày đức Phật thành đạo, Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi thành đạo, người em này nhỏ hơn đức Phật ba mươi tuổi, vì đức Phật thành đạo lúc ba mươi tuổi. Sanh nhằm ngày hôm ấy, cũng là ngày đức Phật thành đạo, tin vui báo về hoàng cung, vua Tịnh Phạn nghe tin Thái Tử thành Phật, chứng quả, lại nghe trong cung sanh ra đứa bé này, là em họ của đức Phật, tức là cháu trai của nhà vua, nên vô cùng hoan hỷ. Vua bèn nói: “Hôm nay là ngày đại cát, là ngày hoan hỷ”, bảo người đến báo tin: “Đứa bé ấy nên đặt tên là A Nan”, tức A Nan Đà, mang ý nghĩa hoan hỷ.

“*Hựu tôn giả đoan chánh, thanh tịnh, như hảo minh kính, kiến kỳ tướng giả, văn kỳ thanh giả, đồ kỳ oai nghi giả, mạc bất hoan hỷ, cố dĩ vi danh*” (Hơn nữa, tôn giả đoan chánh, thanh tịnh như tấm gương trong vắt. Trông thấy hình dạng Ngài, nghe tiếng Ngài, xem oai nghi của Ngài, không ai chẳng hoan hỷ, nên đặt tên như vậy). Cái tên này vô cùng thích hợp. A Nan cũng là bậc tái lai, chẳng phải là phàm nhân. Đức Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, A Nan có ba mươi tướng; vì thế, rất hiếm có. “*Đoan chánh, thanh tịnh, như hảo minh kính*”, gương sáng đặc biệt đẹp đẽ; vì thế, có người thấy đũa bé ấy, hoặc nghe tiếng nó nói, thấy động tác của nó, không ai chẳng hoan hỷ, ai trông thấy cũng yêu mến đũa bé ấy. Vì thế, bác cả đặt tên cho đũa bé là A Nan, danh tương xứng thực. “*Hựu tôn giả tùy Phật nhập thiên cung, long cung, tâm vô nhạo trước, cố danh Vô Nhiễm*” (Ngoài ra, tôn giả theo Phật vào long cung, thiên cung, tâm không ham đắm, nên gọi là Vô Nhiễm). Sau khi xuất gia, Thích Ca Mâu Ni Phật từng dẫn Ngài lên xem thiên cung, tức Dục Giới Thiên, cũng đã từng đến thăm cung rồng, là nơi Đại Long Bồ Tát ở, bất luận tại long cung hay thiên cung, Ngài đều chẳng bị nhiễm ô, tâm địa thanh tịnh. Vì thế, danh hiệu ấy cũng có nghĩa là Vô Nhiễm. “*Phật thọ ngũ thập ngũ tuế thời, A Nan xuất gia*” (Khi đức Phật đã năm mươi lăm tuổi, A Nan mới xuất gia), A Nan xuất gia lúc hai mươi lăm tuổi, “*thị Phật nhị thập ngũ niên*” (hầu Phật hai mươi lăm năm) thì gặp lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ. Người Trung Quốc nói theo tuổi ta [nên bảo đức Phật diệt độ lúc] tám mươi tuổi, người ngoại quốc nói theo tuổi thật sự, tuổi thật sự là bảy mươi chín tuổi. Ngài làm thị giả cho đức Phật hai mươi lăm năm, chăm sóc đức Phật hai mươi lăm năm. “*Phật sở tuyên thuyết, tất năng ức trì, bất vong nhất tự*” (các pháp do đức Phật tuyên thuyết Ngài đều nhớ giữ, chẳng quên một chữ). Trong các vị đệ tử của đức Phật, Ngài có trí nhớ tốt nhất, sức lý giải đặc biệt mạnh mẽ. Từ hội Lăng Nghiêm chúng ta có thể thấy, đức Thế Tôn giảng kinh Lăng Nghiêm, Ngài có thể hoàn toàn lý giải những ý nghĩa do đức Phật đã nói. Cùng lúc ấy, tôn giả Phú Lô Na đã đắc Tứ Quả La Hán, nhưng nghe chẳng hiểu, mà ngài A Nan có thể nghe hiểu, chứng tỏ căn tánh của Ngài chẳng giống người khác! Vì thế, Ngài truyền thừa pháp tạng của đức Phật. Tôn giả Ca Diếp truyền Thiên Tông của đức Phật, còn Giáo Hạ do ngài A Nan truyền. “Thầy đều có thể ghi nhớ, chẳng quên một chữ” vô cùng khó, nên Ngài đương nhiên là bậc tái lai. “*Niết Bàn xưng A Nan đa văn sĩ. Hựu Ca Diếp tán viết: ‘Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm’. Cố viết, đa văn đệ nhất*” (Kinh Niết Bàn gọi A Nan là bậc Đa Văn. Ngài Ca Diếp cũng khen rằng: “Nước biển cả Phật pháp chảy vào tâm A Nan”, nên gọi Ngài là đa văn bậc nhất). Trong mười vị đại đệ tử, Ngài là đa văn đệ nhất.

“*Đẳng giả, Ngụy dịch trung liệt tam thập nhất nhân*” (Chữ “đẳng”: Trong bản Ngụy dịch nêu tên ba mươi một vị [Thượng Thủ]), đây là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Ngụy, kể tên ba mươi một vị Thượng Thủ; trong quá khứ, bản này lưu thông rộng nhất. Trong năm bản dịch gốc, bản dịch này hoàn bị nhất, phiên dịch rất khá; vì thế, mọi người học tập kinh Vô Lượng Thọ đều dùng bản này. Trong quá khứ, tôi học bộ kinh này tại Đài Trung, thầy Lý giảng từ đầu đến cuối một lần, giảng bản dịch của

ngài Khang Tăng Khải. Lần đầu tiên Ngài giảng chỉ dùng bản của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Lần thứ hai chỉ dùng bản của ngài Khang Tăng Khải. “*Kim hội bản căn liệt cử kỳ trung Thượng Thủ ngữ nhân chi danh, cố viết A Nan đặng, dĩ khái kỳ dư*” (nay bản hội tập chỉ nêu tên năm vị Thượng Thủ trong số ấy, nên viết là “A Nan đặng” để chỉ chung các vị còn lại), những vị khác đều tinh lược, [nêu tên năm vị như đã nói trên] nhằm biểu thị pháp. Trong pháp môn này, A Nan biểu thị niệm Phật là đa văn đệ nhất. Chúng ta chớ nên không biết ý nghĩa này. Học rộng nghe nhiều liên quan gì với niệm Phật? Có liên quan! Niệm Phật mà có thể niệm tới mức đạt Niệm Phật tam-muội, đây là nhập Định, đã đắc Thiên Định. Sau khi đắc Thiên Định, công phu định lực đạt tới một trình độ nhất định, hoá nhiên đại ngộ, người ấy sẽ khai ngộ. Sau khi khai ngộ sẽ là đa văn, đối với các kinh, quý vị chưa từng nghe, vừa nghe liền hiểu rõ, vừa đọc liền hiểu rõ. Vì thế, sáu căn vừa tiếp xúc bèn thông đạt; đó đúng là đa văn bậc nhất!

Đối với trường hợp này, chúng ta không nói đến các đệ tử đức Thế Tôn, mà nhìn vào Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng thuộc đời Đường của Trung Quốc, đó là một thí dụ rất hay. Ngài chưa nghe kinh, Huệ Năng đại sư không biết chữ, đương nhiên chẳng thể đọc kinh, nhưng Ngài nghe [liền hiểu]. Quý vị thấy người đầu tiên gặp Ngài là tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Vị tỳ-kheo-ni này suốt đời thọ trì kinh Đại Niết Bàn. Kinh Đại Niết Bàn phân lượng cũng rất nhiều, có hai loại bản dịch: Một là bản bốn mươi quyển, hai là bản ba mươi sáu quyển<sup>1</sup>. Sau khi được truyền y bát, thầy bảo Huệ Năng đại sư hãy đi lánh nạn, ẩn cư, đi xuống phương Nam. Ngài hỏi thầy: “Con nên đi ẩn cư nơi đâu?” Thầy nói: “Ông từ đâu đến, hãy trở lại nơi đó”. Trên đường, Tổ gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, nghe bà ta đọc kinh Niết Bàn; sau khi nghe xong, bèn giảng bộ kinh ấy cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, tức là giảng kinh Đại Niết Bàn. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe giảng, vô cùng hoan hỷ, bèn cầm kinh hướng về Tổ thỉnh giáo. Tổ bảo bà ta: “Ta không biết chữ”. Ni sư hỏi: “Ngài không biết chữ, có sao có thể giảng hay như thế?” Tổ nói: “Chuyện ấy chẳng dính dáng gì đến biết chữ hay không”. Câu nói này vô cùng trọng yếu, minh tâm kiến tánh, đây là điều khẩn yếu! Chỉ cần kiến tánh, hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều là tâm hiện, thức biến. Quý vị kiến tánh, sự nhận biết cũng chẳng có vấn đề gì, thông suốt toàn bộ. Sự nhận biết do đâu mà có? A Lại Da. A Lại Da vẫn do tâm hiện. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều hoàn toàn hiểu rõ. Ngài ở nơi đó vài ngày, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng niệm kinh cho Ngài nghe, Ngài bèn giảng cho bà ta nghe, tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghiêm nhiên khai ngộ. Trong đời Huệ Năng đại sư, có tất cả bốn mươi ba người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới tay Ngài, trong đó có một nữ nhân là vị tỳ-kheo-ni này, vì sao? Chúng ta phải hiểu một câu

---

1 Bản bốn mươi quyển do ngài Đàm Vô Sám dịch vào đời Bắc Lương. Khi bản này truyền đến phương Nam, các vị như Huệ Nghiêm, Huệ Quán, Tạ Linh Vận đã chiếu theo bản dịch mang tựa đề Nê Hoàn Kinh của ngài Pháp Hiền để hội tập thành bản gồm ba mươi sáu quyển. Do vậy, bản này được gọi là Nam Bản Niết Bàn Kinh, còn bản dịch gốc của ngài Đàm Vô Sám được gọi là Bắc Bản Niết Bàn Kinh.

nói của cổ nhân: “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Tâm tỳ-kheo-ni thanh tịnh, nếu bà ta niệm bộ kinh ấy năm năm, mười năm, tâm sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm thanh tịnh đoạn phiền não, tối thiểu là khuất phục phiền não, phiền não chẳng thể dấy lên hiện hành. Thật sự gặp gỡ cao nhân, gặp thiện tri thức, đối với bộ kinh quý vị đang thọ trì, đứng vào lúc mấu chốt bèn chỉ điểm một chút, quý vị sẽ thông, [được chỉ điểm] đôi chút bèn quán thông.

Huệ Năng đại sư chưa từng đọc kinh, đi bán củi ngẫu nhiên nghe có người đọc kinh, Ngài ở ngoài cửa sổ nghe tiếng đọc kinh bên trong, nghe rất hoan hỷ. Đứng nghe một hồi lâu, nghe xong, tiến vào gõ cửa. Vị cư sĩ đọc kinh ấy mở cửa, gặp Ngài, giảng cho Ngài nghe ý nghĩa của bản kinh Ngài vừa mới nghe, Ngài nghe xong, vô cùng kinh ngạc. Vị lão cư sĩ ấy cũng chẳng phải là phàm nhân, trò chuyện cùng Ngài, nhận biết Ngài, nói theo cách chúng ta bây giờ là “thiện căn thật sự sâu dày, chẳng phải là phàm nhân”, bèn khuyên Ngài đến Hoàng Mai<sup>2</sup>, bái hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn [làm thầy]. Ngài kể với ông ta tình cảnh khó khăn của chính mình: Trong nhà còn mẹ già, mỗi ngày phải cậy vào Ngài bán củi để sống qua ngày; Ngài ra đi, sẽ không có ai chăm sóc mẹ già. Vị cư sĩ ấy hết sức nhiệt tâm, mời mấy đồng tu họp lại, [quyên góp], tặng cho Ngài mười lượng bạc để làm chi phí lo liệu việc nhà: “Mẹ anh đã có người chăm sóc”. Ngài bèn yên tâm ra đi, đến núi Hoàng Mai ở tám tháng, chẳng hề bước vào giảng đường, cũng chẳng vào Thiền đường. Lão hòa thượng chỉ giao cho Ngài công việc giã gạo và chẻ củi trong xưởng xay gạo. Đó là việc chính của Ngài, đứng với nghề cũ, bảo Ngài làm công quả suốt tám tháng. Tới khi truyền pháp lại nghiêm nhiên truyền cho Ngài, chẳng ai ngờ được! Truyền pháp vào một đêm khuya, nửa đêm canh ba trong phương trượng thất, hai Ngài là “*tâm tâm tương ấn*”<sup>3</sup>. Nhẫn hòa thượng giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài nghe, chắc chắn không dùng đến sách, chúng tôi phỏng đoán chẳng thể lâu hơn hai giờ, giảng đến câu “*ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*”, Ngài bèn khai ngộ. Một ngộ, toàn bộ thông, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thấu suốt. Quý vị chỉ cần đem kinh điển nhà Phật đọc cho Ngài nghe, Ngài có thể giảng cho quý vị nghe. Há chẳng phải là đa văn đệ nhất ư? Bí quyết trong sự truyền pháp của Phật pháp

---

2 Hoàng Mai nay thuộc thành phố Hoàng Cương, phía Đông tỉnh Hồ Bắc, thuộc vùng giáp ranh của ba tỉnh Hồ Bắc, An Huy và Giang Tây.

3 Nguyên văn “*linh tê nhất điểm thông*”, dựa theo một câu thơ cổ của Lý Thương Ẩn: “*Thân vô thái phượng song phi dục, tâm hữu linh tê nhất điểm thông*” ý nói tâm không đôi cánh như chim phượng để bay lượn, nhưng tâm linh giống như sừng con tê ngưu (tê giác), hề có một điểm trắng bèn thông suốt. Theo truyền thuyết, có một loại tê ngưu tên là Thiên Tê, mình có một vệt trắng kéo dài từ đầu đến đuôi nên được coi là một con vật thiêng, gọi là Linh Tê, chạm vào sừng nó, bất cứ điểm trắng nào trên sừng cũng có thể thông qua được phía bên kia sừng. Do đó sừng Linh Tê cũng được dùng để chỉ sự tương thông của đôi bên. Từ ngữ này về sau mở rộng với ý nghĩa là đôi bên tâm tương ứng chỉ cần nói một câu liền hiểu nhau ngay, và thường được coi là từ ngữ tương ứng của “*tâm tâm tương ấn*”.

là ở chỗ này, nhưng quý vị phải có căn bản. Quý vị thấy đó: Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ.

Trong một đời này, có thể nói là chúng tôi nhận thấy sau khi Kháng Chiến nổ ra, trong thời chiến tranh, từ lúc chiến tranh bắt đầu mãi cho đến hiện thời, trong Phật môn, bất luận tại gia hay xuất gia chẳng có ai khai ngộ. Lão pháp sư Đàm Hư đã nói lời này, thuở trước, tại Hương Cảng, cụ Đàm Hư là học trò của lão pháp sư Đắc Nhân, suốt đời cũng là pháp sư giảng kinh. Ngài sáng lập Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán tại Hương Cảng. Năm 1977, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm suốt hai tháng tại đó. Tôi giảng tất cả bốn tháng, hai tháng sau, tôi giảng tại giảng đường Quang Minh của lão hòa thượng Thọ Dã tại đường Lam Đường (Blue Pool road), Hương Cảng, giảng suốt hai tháng. Cụ Đàm nói cả đời Ngài chưa nghe nói có ai khai ngộ, đắc Định thì có như lão hòa thượng Hư Vân đắc Định, đắc Thiền Định, nhưng chưa nghe nói có ai khai ngộ. Trong thời đại hiện tại, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: “Ngay cả tu Thiền đắc Định cũng chưa hề nghe nói có ai!” Đối với chuyện học Mật thì cụ là Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông. Cụ bảo tôi, từ thời Kháng Chiến mãi cho đến nay, trước lúc vãng sanh, cụ nói với tôi như vậy, người học Mật Tông tại Trung Quốc thành tựu, tam mật tương ứng chỉ có sáu người! Vì vậy, cụ bảo tôi: *“Từ nay về sau, chẳng có cách nào học Mật và học Thiền, chẳng thể thành tựu. Thật sự có thể thành tựu chỉ có pháp môn Niệm Phật”*. Bởi vậy, lúc lão nhân gia vãng sanh, thân thể chẳng khỏe lắm, cụ cho tôi biết mỗi ngày cụ niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, chuyên niệm A Di Đà Phật, ngày đêm chẳng gián đoạn. Hễ mệt mỏi bèn nghỉ ngơi đôi chút, mỗi ngày là mười bốn vạn câu, lúc lâm chung cũng biết trước khi mất. Quý vị thấy học Thiền, học Mật, nhưng đến lúc khẩn yếu sẽ thấy đều buông xuống, chỉ giữ một câu A Di Đà Phật. Đây là lão nhân gia thị hiện cho chúng ta.

Chúng ta sanh nhằm thời Mật Pháp, hiện thời chưa phải là lúc cuối cùng của thời Mật Pháp, Mật Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa. Trong chín ngàn năm ấy, Phật pháp có lúc hưng thịnh, có khi suy vi, lên xuống như hình sóng. Trước kia, Chương Gia đại sư đã bảo tôi điều ấy. Hiện thời, suy đến cùng cực, có người tu hành thật sự hay không? Chúng tôi tin chắc là có! Tuy không ai biết, nhưng có người chân tu. Vì sao biết? Nếu không có người tu hành chân chánh, người tu hành chân chánh có đại phước báo, chúng sanh trên địa cầu tạo nghiệp nhiều dướng ấy, nhưng người tu hành chân thật có thể khống chế khiến địa cầu chẳng đến nỗi bị hủy diệt, đó là người có đại phước đức. Chúng ta chẳng biết những người ấy, họ ở trong núi sâu, không có duyên thì quý vị gặp gỡ cũng chẳng thể thấy. Trong tương lai, Phật giáo lại hưng thịnh. Hưng thịnh trong tương lai, chẳng phải là Thiền hay Mật, mà là Giáo. Trong Giáo, chúng ta biết, có thể là Tịnh Tông hưng vượng nhất. Trong kinh Đại Tập, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta điều ấy, Ngài thọ ký, người hiện thời bảo là “dự ngôn”, thời kỳ Mật Pháp Tịnh Độ thành tựu. Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu, và thời kỳ Mật Pháp, Tịnh Độ thành tựu.

Kinh Vô Lượng Thọ là kinh điển trọng yếu trong Tịnh Độ, là kinh điển căn bản của Tịnh Tông như vậy, nhưng trước nay chẳng có một bản tiêu chuẩn, đây là điều khiến cho những người tu học pháp môn này từ xưa đến nay đều cảm thấy tiếc nuối. Phiên dịch thật nhiều, trong hết thấy các kinh, chẳng có kinh nào có nhiều bản dịch như kinh này, tới mười hai bản dịch! Từ đời Hán đến đời Bắc Tống có mười hai lần phiên dịch trong khoảng tám trăm năm, nhưng những bản dịch ấy nay chỉ còn giữ được năm loại, thất truyền bảy loại, rất đáng tiếc! Gộp chung năm bản dịch lại để xem, trong ấy sai biệt rất lớn. Vì thế, cổ đại đức phán đoán, không phải chỉ có một bản gốc. Nhìn vào năm bản dịch gốc hiện thời, nguyên bản tiếng Phạn tối thiểu phải có ba loại, nên các Ngài đoán định thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, tối thiểu phải giảng kinh Vô Lượng Thọ ba lượt, cho nên có ba phiên bản khác nhau. Hãy còn bảy thứ thất truyền, nếu thật sự có thể tìm được bảy loại ấy, rất có thể là sẽ phát hiện bản gốc còn nhiều hơn nữa! Điều này cho thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thuở tại thế, mỗi kinh chỉ giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai, nhưng kinh này tối thiểu giảng ba lượt, từ ba lượt trở lên. Nhiều lần tuyên giảng, cho thấy kinh này trọng yếu. Thời Mạt Pháp tính đến sau này, hãy còn có chín ngàn năm nữa, kinh này có thể độ hết thấy chúng sanh thành tựu trong một đời, chẳng tuyệt lắm ư?

Vì vậy, các vị đại đức xưa nay đều có ý nghĩ phải hội tập. Người hội tập đầu tiên là cư sĩ Vương Long Thư, là người đời Tống. Người hội tập thứ hai là cư sĩ Ngụy Mặc Thâm trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh trước kia. Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba, vì hội tập không dễ dàng. Những điều được chọn giữ lại hay bỏ đi từ năm bản dịch gốc là đại học vấn, biên tập cũng là học vấn. Những bản hội tập trong quá khứ, chọn lọc, biên tập đều chưa được viên mãn cho lắm, đều có những điểm đáng tiếc nuối. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư bỏ ra mười năm công phu, hội tập trọn ba năm, bế quan ba năm, chỉnh lý thành một bản hội tập. Sau đấy, lại tốn thời gian bảy năm, qua mười lần san đính, tạo thành bản hoàn thiện cuối cùng. Bản chúng ta thấy hiện thời là bản hoàn thiện cuối cùng. Những bản biên soạn lúc đầu, chúng ta còn tìm được. Bản đầu tiên là bản hoàn thành sau ba năm, cụ Hạ bế quan ba năm hoàn thành bản hội tập. Gần đây, chúng tôi cũng ấn hành bản ấy để làm kỷ niệm cho các đồng học. Bản gốc là ba mươi bảy phẩm, bản hiện thời chúng ta đang đọc là bốn mươi tám phẩm. Trong lời tựa, cụ Mai Quang Hy cho biết, thuở ấy, lão pháp sư Từ Châu đã giảng bản hội tập tại Bắc Kinh, Ngài cũng giảng tại Tế Nam, lại còn soạn khoa phán. Đó là bản ba mươi bảy phẩm thuở ấy, chẳng phải là bản hiện tại. Đối chiếu hai bản ấy, chúng ta biết lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã thật sự dụng tâm khổ nhọc, ta thấy lòng kiên trì, cảnh giới, cũng như văn tài của cụ, cuối cùng đã biên soạn thành một bản kinh viên mãn, soạn thành một bản kinh tiêu chuẩn.

Cụ đã giảng bản ấy một lần, học trò cụ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng giống như A Nan, đã nghe thầy giảng, lại còn ghi bút ký tỉ mỉ. Cụ bảo tôi, trong cách mạng Văn Hóa, bản bút ký ấy bị [Hồng Vệ Binh] vứt bỏ. Vì thế, khi viết bản [Chú Giải] này,

cụ hoàn toàn dựa vào ký ức, tham khảo hơn một trăm loại kinh, luận, chú giải, trích dẫn những lời chú giải trong ấy, biên soạn thành một bản chú giải kinh hoàn thiện. Chúng ta có phước báo, có duyên phận, ngày nay có thể gặp gỡ, vô cùng khó có! Tôi và kinh này quả thật có duyên phận, vừa thấy liền hoan hỷ, hết sức hoan hỷ, trong quá khứ đã giảng mười lượt, lần này là lần thứ mười một. Lần thứ mười một bèn quyết định chọn Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải, giảng bản chú giải của cụ, khiến cho chúng ta lý giải Tịnh Tông càng thâm nhập hơn, mới có thể phát khởi tâm nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chẳng còn nghi hoặc, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, lẽ đâu chẳng thành tựu! Người trẻ tuổi hạ quyết tâm dùng thời gian mười năm để bài trừ hết thảy khó khăn. Khó khăn là gì? Là xóa bỏ vọng niệm, chuyên dốc công sức nơi một môn, sau mười năm, quý vị sẽ là đệ tử truyền thừa Tịnh Tông của đức Thế Tôn, là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài Kiều Trần Như đã biểu thị pháp ở chỗ này. Đời này, chúng ta đến thế gian này đáng giá, làm những chuyện khác đều là giả, làm chuyện này là thật.

Hãy nghiêm túc học tập cư sĩ Lưu Tố Vân, bà ta đã đem lại lòng tin cho mọi người chúng ta. Tới lúc năm mươi lăm tuổi bà ta mới bắt đầu học Phật, khi học Phật duyên phận cũng vẫn là khá lắm. Một đồng tu tặng cho bà ta một bộ kinh Vô Lượng Thọ, nên biết đấy là bộ tôi giảng năm 1999 tại Tân Gia Ba, sáu mươi giờ, tôi giảng một tháng, mỗi ngày hai tiếng. Khi ấy, chỉ dùng băng cassette để thâu. Sau này, làm thành đĩa từ, tức CD, không có hình ảnh. Bà ta kể với tôi, bà ta học bộ kinh ấy, niệm một câu A Di Đà Phật, mười năm giống như một ngày. Mỗi ngày nghe kinh mười tiếng, nghe như thế nào? Nghe một đĩa, tức là nghe băng giảng một giờ, nghe một đĩa suốt mười lần. Dầu công việc bận rộn cũng nghe tối thiểu bốn lần, không hề ít hơn bốn lần, thông thường thời gian mỗi ngày đều là mười biến. Tâm tín nguyện của bà ta do đấy phát khởi, tín, giải, hành, chứng bà ta đều làm được. Những nghĩa lý trong kinh biến thành tư tưởng của chính mình, những răn dạy trong kinh biến thành hành vi của chính mình. Năm nay bà ta sáu mươi lăm tuổi, [làm như thế suốt] mười năm. Quý vị thỉnh bà ta giảng kinh Vô Lượng Thọ, bà ta chẳng cần dùng đến cuốn kinh, mà giảng rành rẽ, mỗi ngày giảng tám tiếng hay mười tiếng chẳng hề mệt nhọc.

Trước kia, chúng tôi không biết đến người này. Năm ngoái, tôi chữa răng tại Đài Loan, có một đồng tu gửi cho tôi một CD, đó là phim tài liệu do ngành truyền thông quay, dài nửa tiếng, tức là CD về bà Lưu Tố Vân. Người ta đi săn tin, chứ không phải đến phỏng vấn bà ta, đến chỗ bà ta, nghe nói có một người như thế, bị mắc chứng Hồng Ban Lang Sang (Systemic Lupus Erythematosus) vô cùng nghiêm trọng, vì sao niệm Phật được lành bệnh, họ cảm thấy rất lạ lùng, bèn đến phỏng vấn bà ta, phỏng vấn nửa tiếng. Tôi xem CD ấy, cảm thấy rất kinh ngạc, và cũng vô cùng bội phục, bà ta dụng công vô cùng đúng phương pháp. Học Phật thật sự nhập cảnh giới, chẳng bận tâm đến căn bệnh, mỗi người đều lo lắng thay cho bà ta, còn bà ta ngày nào cũng vui sướng, mỗi ngày nghe kinh, niệm Phật chẳng gián đoạn. Bác sĩ bảo bà ta: “Bệnh ấy chẳng có cách nào trị”. Được rồi! Không có cách thì khỏi cần trị, về nhà niệm Phật, niệm đến mức

lành bệnh. Bác sĩ bảo bà ta, dấu lành bệnh, dấu sẹo trên mặt chắc chắn chẳng thể mất đi. Kết quả là bác sĩ gặp mặt bà ta, chẳng có dấu sẹo nào hết, bèn hỏi: “Bà bôi thuốc gì mà ngay cả dấu sẹo cũng chẳng có?” Bà ta đáp: “Chẳng bôi gì hết, thứ gì cũng chẳng bôi”. Bà ta kể, lúc kết hôn có mua hai lọ Tuyết Hoa Cao để bôi chân, chứ chưa hề bôi lên mặt. Bà ta nói niệm Phật được lành bệnh, bác sĩ tin tưởng. Vì sao tin tưởng? Người này cả đời chẳng vọng ngữ, thật sự khó có! Suốt đời chẳng nói dối! Còn một ưu điểm nữa là cả đời chẳng có tâm ham danh lợi, người ta luôn tranh danh đoạt lợi, còn bà vô cùng coi nhẹ danh lợi. Vì thế, tôi cảm thấy bà ta trong quá khứ là một người tu hành, có thiện căn sâu dày dường ấy! Bà ta thị hiện phương pháp cho chúng ta, mười năm bèn thành công, thành công nơi một bộ kinh Vô Lượng Thọ, học tập bất luận kinh điển nào cũng chẳng có tí ti khó khăn nào! Đúng như Phật pháp đã nói: “*Một kinh thông, hết thấy các kinh thông*”, đây là một tấm gương tốt.

Từ tấm gương này, chúng tôi biết: Sau này, Phật pháp sẽ rất hưng vượng. Vì sao? Gương này được đề ra, học tập kinh giáo chẳng khó! Chỉ cần một bộ kinh, học kỹ càng suốt mười năm, chẳng phải là sẽ thấu suốt ư? Nếu quý vị muốn mọi người cùng học, chúng ta lập một Phật học viện, thành lập một lớp Phật học thì cần phải có đại phước báo. Bản thân chúng ta có phước báo, mà chúng sanh cũng phải có phước báo. Chúng sanh không có phước báo sẽ chẳng thể thành công! Vì thế, nhân duyên chẳng dễ gì đạt được! Cả đời này, tôi mấy lần bỏ lỡ duyên phận, chẳng biết làm sao được, trong tâm tôi hiểu rất rõ, chẳng có cách nào! Lần đầu tiên là duyên phận của tôi với pháp sư Tinh Vân. Bốn mươi năm trước, Phật Quang Sơn vừa mới thành lập, trên núi ấy chỉ có một Phật học viện, tức Đông Phương Phật Giáo Học Viện. Sư mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ; khi ấy, học trò là một trăm ba mươi người. Tôi có ý nghĩ chia một trăm ba mươi người ấy thành nhiều tổ, cứ ba người một tổ, tức là chia thành bốn mươi tổ, mỗi tổ chuyên học một kinh. Thâm nhập một môn, huân tu dài lâu. Bốn mươi tổ là bốn mươi bộ kinh, học suốt mười năm, chẳng thể nói là một trăm ba mươi người đều thành tựu, nhưng một phần ba, tức bốn mươi người, mỗi người đều là chuyên gia của một bộ kinh. Quý vị nói người học kinh Di Đà mười năm là gì? A Di Đà Phật tái lai. Tiểu tổ ba người khác học phẩm Phổ Môn suốt mười năm, họ là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Chọn ra mười bộ kinh, nếu chúng ta cả đời chẳng rời khỏi Phật Quang Sơn, bao nhiêu năm qua, có nhiều nhân tài hoằng pháp như thế, có thể nói là tột đỉnh. Ai tu một bộ kinh mười năm? Đều đứng đầu, đúng là Phật quang chiếu khắp toàn cầu. Hết sức đáng tiếc, pháp sư Tinh Vân không chấp nhận đề nghị ấy. Sư bảo tôi: “Làm như vậy không giống như trường học”. Khi ấy, tôi thưa với Sư: - Trường học chưa chắc đã tạo nên nhân tài, nhưng biện pháp cố hữu ấy của Trung Quốc đã đào tạo nhân tài. Vì sao? Tôi học trong hội của lão cư sĩ Lý Bình Nam mười năm, học theo cách thức xưa cũ. Thầy Lý dùng phương pháp dạy học trong tư thực mà hữu hiệu! Một bộ kinh, giảng xong lần thứ nhất bèn giảng lần thứ hai, giảng xong lần thứ hai bèn giảng lần thứ ba, trọn chẳng dùng cùng một bài giảng, mỗi biến tự mình đều phải tích cực chuẩn bị, mười lần sẽ đặt vững cơ sở. Nếu giảng mười năm, tối thiểu là giảng bốn năm chục lần, nhuyển như, cổ nhân nói đó



là “quen tay thành khéo”, lẽ nào chẳng thành công! Nếu quý vị có thể vun bồi bền vững bốn căn cội (Cảm Ứng Thiên, Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo và Sa Di Luật Nghi), Phật pháp sẽ hưng vượng, sẽ trở lại đời thịnh trị. Duyên phận đầu tiên ấy [chẳng thành], rất đáng tiếc, tôi rời khỏi Phật Quang Sơn.

Duyên phận thứ hai là khi Hàn quán trưởng vãng sanh. Trước khi bà ta vãng sanh, chúng tôi đã dự định mở một lớp hướng dẫn hai ba chục đồng học chuyên tu. Nào ngờ, sau khi bà ta mất, con cái bà ta chẳng có hứng thú đối với chuyện ấy, chúng tôi cũng cảm thấy chính mình phước đức, nhân duyên chẳng đủ. Lần thứ hai chúng tôi cũng thất vọng.

Lần thứ ba là tại Cư Sĩ Lâm của cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba. Trước tiên, chúng tôi làm thí nghiệm, mở lớp ngắn hạn trong ba tháng. Lớp ấy dạy được năm lần, rất có thành tích, chúng tôi trọn đủ lòng tin, muốn mở lớp Phật học dài hạn, từ ba năm đến năm năm, nhưng lại có một người phá hoại trong ấy, khiến cho chúng tôi chẳng thể không rời khỏi Tân Gia Ba. Chúng tôi không thể trách móc bất luận kẻ nào, đó là duyên phận trong Phật pháp. Duyên phận Phật pháp đáng ở chỗ nào, chúng tôi không biết, chúng tôi là phạm phu tục tử. Tới Úc, sang năm, chúng tôi đến Úc được mười năm, Tịnh Tông Học Viện thành lập mười năm, hoàn cảnh tu học ổn định, nhưng trong các đồng học, bất luận xuất gia hay tại gia chẳng y giáo phụng hành, hiện thời có thể ép họ được hay không? Chẳng thể! Trong thời đại hiện tại, thời đại rộng lớn, hoàn cảnh rộng lớn, dân chủ, tự do, rộng mở, chúng ta chỉ có thể khuyên lơn, hướng dẫn, chẳng thể đòi hỏi quá mức. Khuyên lơn, hướng dẫn mọi người chuyên dốc công sức nơi một môn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, khuyên mọi người vun bồi ba hay bốn căn cội. Họ đã học lung tung, chẳng học một thứ. Nếu học một thứ, chắc chắn mười năm sẽ có thành công, chẳng kém cư sĩ Lưu Tố Vân.

Vì thế, Lưu cư sĩ đã nêu gương tốt nhất. Chỉ cần thật sự học, có một bộ CD, hoặc một bộ băng âm, là được rồi! Thật sự buông tiếng tăm, lợi dưỡng, buông hưởng thụ ngũ dục trần xuống, chẳng sợ chịu khổ, ai nấy đều thành tựu. Ưu điểm của cư sĩ Lưu Tố Vân là có thể chịu khổ, có thể trì giới, điều này kẻ bình phàm chẳng dễ gì làm được, nhưng bà ta làm được. Tôi nghe bà ta nói trong CD, bà ta có một người bạn thân, mời người bạn thân ấy dùng cơm, chỉ có một món ăn, giá xào với đậu hũ sợi, một món thôi! Người bạn nói: “Mời tôi đến để ăn món này sao?” Đúng vậy! Bà ta hỏi: “Chẳng đủ ăn thì tôi xào thêm một chút nữa”. “Vẫn là món đó hả?” “Đúng vậy, vẫn món đó”. Quý vị bèn hiểu bình thường người ta ăn cơm chỉ có một món, đơn giản, chẳng lãng phí thời gian, thời gian quý báu nhất! Chẳng thể chịu khổ, không được rồi! Trì giới chịu khổ, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, đây là bí quyết thành công và hộ trì chánh pháp tồn tại lâu dài, chúng ta chớ nên không lưu ý.

Chúng ta lại coi tiếp đoạn dưới: “*Nhi vi Thượng Thủ, kim xưng Thủ Tọa vi Thượng Thủ*” (“mà là Thượng Thủ”: Hiện tại gọi vị Thủ Tọa là Thượng Thủ). Trong Phật môn hiện thời, Thủ Tọa Hòa Thượng được gọi là Thượng Thủ. “*Các kinh trung Thượng Thủ nhân số bất đồng, lệ như Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh u đại Bất Số nhất thiên nhị bách ngũ thập nhân, liệt Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nê Luật Đà đẳng tứ nhân đẳng vi Thượng Thủ. Kim kinh tắc Kiêu Trần Như ngũ nhân đẳng vi Thượng Thủ, thị nãi nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt chi đại tôn giả trung chi Thượng Thủ*” (Trong các kinh, số lượng Thượng Thủ khác nhau, chẳng hạn như Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh là một ngàn hai trăm năm mươi vị Đại Bất Số, kể tên bốn vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, và A Nê Luật Đà cùng làm Thượng Thủ; nay kinh này lấy năm vị như Kiêu Trần Như v.v... làm Thượng Thủ, họ là Thượng Thủ trong các đại tôn giả “hết thầy đại thánh, thần thông đã đạt”). Đặc biệt giới thiệu một chút. Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh là kinh A Di Đà do ngài Huyền Trang đại sư phiên dịch. Bản dịch của Cư Ma La Thập đại sư có mười sáu vị tôn giả, trong ấy có tên họ của mười sáu vị, bản dịch của Huyền Trang đại sư chỉ kể tên bốn vị. Đây là do người phiên dịch, chúng ta biết Cư Ma La Thập và Huyền Trang phải dịch từ cùng một nguyên bản, ý nghĩa trong hai bản dịch ấy đại đồng tiểu dị. Những vị này là Thượng Thủ của Thanh Văn chúng, trong Thanh Văn chúng các Ngài đều là Đại A La Hán. Chữ Đại trong “*đại tỳ-kheo, đại A La Hán*” là mấu chốt, Đại là gì? Đại Thừa. Tiểu Thừa A La Hán là Tiểu Thừa Tứ Quả, Đại Thừa A La Hán là Pháp Vân Địa Bồ Tát. Vì A La Hán dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Học, Ngài đã học xong những khóa trình (lớp học, môn học) cần phải học, tốt nghiệp rồi! Vô Học trong Tiểu Thừa gọi là A La Hán; Vô Học trong Đại Thừa cũng gọi là A La Hán. A Lan Hán có nghĩa là Vô Học, nhưng Vô Học trong Đại Thừa là Thập Địa Bồ Tát, tức Pháp Vân Địa Bồ Tát, được gọi là Đại A La Hán. Do kinh này là kinh Đại Thừa, quý vị thấy chữ Đại A La Hán có ý nghĩa khác biệt.

Chúng ta xem tiếp đoạn kế đó: “*Án ‘nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt’ chi cú*” (xét ra, câu “hết thầy đại thánh thần thông đã đạt”), câu này, “*bốn vị Bồ Tát thân đức*” (vốn để ca ngợi đức hạnh của Bồ Tát), hai câu này vốn là để tán thán Bồ Tát. “*Như Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ Kinh vân: - Dĩ đại tỳ-kheo chúng tứ vạn nhị thiên câu, Bồ Tát bát vạn tứ thiên, nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt*” (như kinh Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ<sup>4</sup> chép: “Cùng với bốn vạn hai ngàn đại tỳ-kheo, tám vạn bốn ngàn Bồ Tát, hết thầy đại thánh thần thông đã đạt”). Đây là tham khảo lời Phật dạy trong kinh khác. “*Kim thủ kinh trung, dĩ tán thán Bồ Tát công đức chi ngữ, dĩ tán Thanh Văn*” (Nay trong kinh này, dùng lời tán thán công đức của Bồ Tát để tán thán Thanh Văn). Câu tiếp đó là khẩn yếu, “*chánh biểu thủ đẳng thường tùy thánh chúng, bốn Pháp Thân*

---

4 Đây là hội thứ ba, tức hội Kim Cang Mật Tích trong kinh Đại Bảo Tích, kinh này do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch.

*đại sĩ, ản Bồn thù Tích*” (chính là nhằm biểu thị các vị thánh chúng thường theo hầu Phật vốn là Pháp Thân Đại Sĩ, ản Bồn thù Tích). Những vị này là ai? Cổ nhân Trung Quốc đã nói rất hay: “*Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ*”. Giống như đóng tuồng, người này đóng vai chính, người khác đóng vai phụ; chẳng có những vai phụ diễn, tuồng sẽ hát không hay. Duyên của Thích Ca Mâu Ni Phật chín muồi, Ngài đến thế gian này thị hiện thành Phật, đóng vai chánh, những vai phụ diễn thì sao? Vai phụ diễn có thể là thầy Ngài, hoặc có thể là giống như Ngài, đều đã thành Phật, đó gọi là “*cổ Phật tái lai*”, thật đấy! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rõ: Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đã thành Phật từ kiếp lâu xa, đến tham gia pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến nơi đây gặp dịp đóng một vai, làm học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, các Ngài thật sự là đại thánh, cũng chẳng phải là tiểu thánh, giống như các vị Đẳng Giác Bồ Tát hoặc Thập Địa Bồ Tát rất nhiều!

Do vậy, trong hội này, há thật sự có phàm phu? Còn có những vị hộ pháp thời đức Phật tại thế, những vị tại gia cư sĩ, [trong số ấy] cũng có rất nhiều chư Phật, Bồ Tát tái lai. Hoằng pháp lẫn hộ pháp đều là hạng nội hạnh, chẳng phải là bậc nội hạnh sẽ không được! Do vậy, chúng ta có thể hiểu, cư dân sống tại Ấn Độ thuở ấy phước báo to lớn, cảm chư Phật, Bồ Tát giáng lâm, vì chúng sanh tuyên nói diệu pháp. Đặc biệt là pháp môn này tiếp dẫn đại chúng, thành tựu viên mãn trong một đời, đến đâu để tìm pháp môn này? Bởi thế, những vị Pháp Thân đại sĩ này, như kinh Hoa Nghiêm đã nói, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, ản Bồn, tức là ản giấu quả vị sẵn có của chính mình, “*thùy tích*” là biểu diễn, sắm một vai trên sân khấu, [đó là] ản Bồn thù Tích. “*Hoặc tha phương thánh chúng, trợ Phật hoằng hóa, vi Ảnh Hưởng Chúng*” (hoặc thánh chúng từ phương khác, giúp Phật hoằng hóa, đóng vai trò làm những người gây ảnh hưởng). Cũng có những vị Phật từ thế giới phương khác, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật tại nơi đây, cũng đến góp sức vào cuộc vui, đến sắm một vai diễn. Sắm vai gì không nhất định, có vị sắm vai tỳ-kheo xuất gia, có vị sắm vai tại gia Bồ Tát, chẳng nhất định, đúng là nên dùng thân gì đắc độ, bèn hiện thân ấy, đều nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, đấy gọi là Ảnh Hưởng Chúng.

“*Nhất thiết đại thánh, chỉ kỳ bổn địa, bổn thị cứu cánh Bồ Đề chi nhân cố*” (Câu “*hết thầy đại thánh*” chỉ Bồn Địa của họ: Vốn là bậc Bồ Đề rốt ráo). Rốt ráo Bồ Đề là người đã chứng đắc địa vị Diệu Giác. Trong kinh Hoa Nghiêm, đây là địa vị Bồ Tát tối cao. Diệu Giác còn cao hơn Đẳng Giác một cấp, đấy là rốt ráo Bồ Đề. “*Thần thông dĩ đạt giả*” (Thần thông đã đạt là...) đó là “*thị quyền tích*”, tức là thần thông biến hóa, mang thân phận Thanh Văn trong hội này. Quý vị thấy bốn vị trước đã chứng đắc địa vị A La Hán, còn ngài A Nan là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đấy là sắm những vai biểu diễn khác nhau, “*du hý thần thông lai thử độ cố*” (do du hý thần thông mà đến cõi này). Các vị này đều có duyên với chúng sanh trong thế giới Sa Bà, không có duyên sẽ chẳng đến, đều là hữu duyên. Vì thế, chúng sanh có cảm, toàn bộ các Ngài đều đến, cùng theo Thích Ca Mâu Ni Phật đến đây. “*Cổ tri sở liệt chi Thanh Văn chúng, giai thị đại quyền*”

thị hiện, trợ ngã Thế Tôn, khai hiển Tịnh Độ pháp môn dã” (Do vậy, biết các hàng Thanh Văn vừa được nêu trên đều là bậc đại quyền thị hiện hỗ trợ đức Thế Tôn ta khai hiển pháp môn Tịnh Độ). Nhất định phải hiểu ý nghĩa này; vì thế, đọc kinh quý vị chớ nên không liễu giải sự quyền biến thị hiện, chớ nên chẳng liễu giải Ân và Hiện, tức Ân Bản Hiện Tích, “*thùy tích*” là hiện ra hình tướng, dấu vết.

“*Tổng thượng ngũ thánh*” (Xét chung, năm vị thánh [nói trên]), sau khi giới thiệu riêng từng vị xong, bèn gộp chung lại để nói, chúng ta xem năm vị [Thượng Thủ được nêu tên] trong phần trước. “*Liễu Bốn Tế*”, tức tôn giả Kiều Trần Như, “*vị liễu tri kỳ cứu viễn chi bốn tế, cố thủ liệt chi*” (do biết rõ Bốn Tế lâu xa nên được nêu tên đầu tiên). Liễu là hiểu rõ, Bốn Tế là bốn tánh, người Trung Quốc thường gọi Liễu Bốn Tế là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Kiến tánh là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Người kiến tánh thoát ly mười pháp giới. Còn bị giới hạn trong mười pháp giới là chưa giác ngộ, chưa kiến tánh, kiến tánh bèn thoát lìa. Người [kiến tánh] vẫn ở lại trong mười pháp giới, nên gọi là đại quyền thị hiện, giống như những vị này, ản Bản thùy Tích, là thật, chẳng giả. Chư vị nhất định phải biết, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*tướng chuyển theo tâm, cảnh chuyển theo tâm*”. Tâm quý vị vừa chuyển, bèn là Pháp Thân Bồ Tát. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thấy thân tướng của Pháp Thân Bồ Tát: “*Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo*”, chẳng phải là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Hoàn cảnh cư trụ của các Ngài là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, là Nhất Chân pháp giới, chẳng phải là uế độ.

Những người minh tâm kiến tánh trong thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, cùng ở với chúng ta, chúng ta thấy họ giống hệt như chúng ta, chẳng có gì khác biệt. Khác nhau ở chỗ chúng ta là phàm phu mắt thịt thấy Phật, Bồ Tát toàn là phàm phu mắt thịt, còn Phật, Bồ Tát thấy chúng ta thấy đều là Phật, Bồ Tát, mỗi người có cách nhìn khác nhau. Vì sao? Chư Phật, Bồ Tát nhìn vào tự tánh của chúng ta, tự tánh của quý vị là Phật. Chúng ta nhìn Phật, Bồ Tát, chẳng thấy tánh, chỉ thấy tướng của các Ngài, chấp tướng, cho nên các Ngài chẳng giống bọn phàm phu chúng ta. Mỗi ngày ăn cơm, đi ra ngoài khát thực, người ta cho gì ăn nấy, chúng ta thấy như vậy, không có cách nào lý giải họ. Họ ra ngoài xin được một bát cơm, cơm ấy chẳng dễ ăn cho lắm. Có thể là kẻ ăn mày ra ngoài xin một chút đồ ăn. Trong kinh A Hàm thường nói cơm ấy như thế nào? Thiu ròi, hư ròi, bốc mùi. Kẻ ăn xin rất đáng thương, xin được một chút đồ, gặp Phật, Phật có phước báo, bèn lấy bát cơm ấy cúng dường Phật để tu phước. Đức Phật cũng rất vui vẻ, ăn ngay trước mặt người ấy, chúc phước cho kẻ ấy. Cơm ấy kẻ bình phàm chẳng thể nuốt trôi, nhưng Phật có thể ăn. Phật ăn vào mùi vị ra sao? Thiên trù diệu cúng (đồ cúng dường màu nhiệm từ bếp cõi trời). Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm người ăn mày ô nhiễm, nên cơm dơ bẩn. Khi dâng lên Phật, Phật là thân tâm thanh tịnh, thứ ấy liền biến thành thứ tốt đẹp nhất, thật đấy, chẳng giả đâu! Thần thông diệu dụng mà! Chúng ta thấy đức Phật ngồi dưới cội Bồ Đề, dưới gốc cây lót cỏ, tĩnh tọa nơi ấy. Bồ Tát chẳng thấy như vậy, mà sẽ thấy phía trên có lọng báu, phía dưới là tòa báu Kim

Cang. Thân tướng đức Phật chẳng phải là ba mươi hai tướng, mà là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, các Ngài thấy như vậy. Cảnh chuyên theo tâm, tướng do tâm sanh, chúng ta xem nhiều kinh luận, sẽ dần dần thấu hiểu chuyện ấy là thật, chẳng giả. Vì thế, tôn giả Kiều Trần Như tượng trưng minh tâm kiến tánh. Trong kinh này, điều đó có nghĩa là kinh này là kinh điển để minh tâm kiến tánh trong một đời. Trong đời này, quả thật chúng ta chưa minh tâm kiến tánh, nhưng vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ minh tâm kiến tánh. Tổ sư đại đức đã nói: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sàu bát khai ngộ?*” (Chỉ cần thấy Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ), lẽ đâu chẳng khai ngộ? Kể tên Ngài đầu tiên nhằm làm cho chúng ta phát khởi lòng tin, tức là lòng tin đối với Tịnh Tông, sanh khởi nguyện tâm.

“*Thân Tử trí huệ đệ nhất*”, Thân Tử là Xá Lợi Phất, “*biểu Di Đà chi Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí chi thâm quảng vô ngại*” (biểu thị Phật trí, trí chẳng nghĩ bàn, trí chẳng thể nói, trí Đại thừa rộng lớn, trí thù thắng tối thượng không gì bằng, không chi sánh, sâu rộng không bờ bến của Phật Di Đà), tượng trưng điều gì? Tượng trưng trí huệ Bát Nhã viên mãn vốn sẵn có trong tự tánh. Ở nơi đâu? Trong bộ kinh này! Nếu chúng ta muốn khai phát trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh của chính mình thì kinh này là một phương pháp. Trí huệ ấy đúng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Năm thứ trí được nói đến ở đây chính là trí huệ vốn sẵn có của Như Lai, nói Như Lai là nói tới tự tánh của chúng ta. Trong tự tánh của chúng ta vốn có năm thứ trí huệ viên mãn ấy. Năm thứ trí huệ được dành lại để giảng trong phần sau, nên ở đây chẳng chú giải, trong phần sau sẽ có.

“*Mục Liên chi thần thông đệ nhất, hiển du hý thần thông chi thế nguyện*” (Mục Liên thần thông bậc nhất, hiển thị thế nguyện du hý thần thông). Trong lúc tu nhân, Bồ Tát đã phát nguyện “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, muốn độ chúng sanh, nhưng quý vị chẳng có năng lực, sẽ không thể độ được. Vừa có trí huệ vừa có năng lực, ở đây năng lực được biểu hiện ra chính là thần thông. Thần là chẳng có chướng ngại, kinh Hoa Nghiêm giảng bốn thứ vô ngại, Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Đó là thần thông, Thông là thông đạt. Nói gộp lại, pháp giới chẳng chướng ngại, quý vị mới có thể phổ độ chúng sanh, mới có thể thực hiện Tứ Hoàng Thế Nguyện đã phát trong lúc tu nhân. Trong lục đạo, trong mười pháp giới, nên dùng thân gì đặc độ, quý vị có thể hiện thân ấy, hiện thân vô ngại. Nên dùng phương pháp gì để giúp người ấy giác ngộ, nên dùng phương pháp đó. Thân chẳng phải là thân nhất định, pháp cũng chẳng có định pháp (pháp nhất định), sống động, hoạt bát; như kinh Lăng Nghiêm đã nói: Bồ Tát hiện thân, “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng tiếp nhận của họ). Chính Ngài không có thân, chúng sanh thích thân gì Ngài bèn hiện thân ấy. Chúng sanh mong Phật đến độ họ, hoặc là Bồ Tát đến độ họ, bèn thuận theo lòng quý vị mong muốn mà hiện thân. Quý vị hoan hỷ sẽ dễ đặc độ, chẳng hoan hỷ sẽ khó khăn!

“Đại Âm Quang”, đây là tôn giả Ca Diếp, tức ngài Đại Ca Diếp, “hiển Di Đà thù thắng quang minh, vô bất chiếu kiến, quang trung cực tôn, Phật trung chi vương” (Đại Âm Quang hiển thị quang minh thù thắng của Phật Di Đà không gì chẳng chiếu tỏ, là tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các đức Phật). Hai câu này là lời đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật đến tột bậc. Chúng ta biết, Phật Phật bình đẳng, trong pháp bình đẳng, đức Thế Tôn vẫn tán thán A Di Đà Phật như vậy, “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Ngài Đại Âm Quang trong quá khứ, chín mươi một kiếp trước, dùng vàng ròng cúng dường Phật, thếp vàng tượng Phật, nên cảm chín mươi một kiếp quang minh kim sắc, mang ý nghĩa này, hiển thị quang minh thù thắng của A Di Đà Phật.

“Hựu Ca Diếp thị Tông Môn Sơ Tổ, A Nan vi Nhị Tổ” (lại nữa, Ca Diếp là Sơ Tổ Thiên Tông, ngài A Nan là Nhị Tổ). Trong Thiên Tông, Thiên Tông do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền cho Ma Ha Ca Diếp, tôn giả Ca Diếp lại truyền cho A Nan. A Nan là Sơ Tổ Giáo Hạ, là Nhị Tổ của Thiên Tông. “A Nhã Kiều Trần Như biểu đương nhân chi Bản Tế” (A Nhã Kiều Trần Như biểu thị Bản Tế của hành nhân). Bản Tế là bản tánh, tượng trưng cho bản tánh của chúng ta. “Xá Lợi Phất biểu chúng sanh bốn cụ chi trí huệ” (Xá Lợi Phất tượng trưng trí huệ vốn có của chúng sanh). Kinh nói tới năm thứ trí huệ viên mãn. “Mục Liên tức chúng sanh bốn hữu chi thân thông” (Mục Liên chính là thân thông vốn có của chúng sanh). Quý vị thấy: Đều là trở về tự tánh. Âm Quang biểu thị “linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần” (linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần), hai câu ấy là của Thiên Tông. Linh quang là trí huệ trong tự tánh, Căn là sáu căn, Trần là sáu trần. Huýnh (迺) là xa xôi, [“huýnh thoát”] là vượt thoát xa lìa lục căn, lục trần, đây là vượt thoát mười pháp giới. “Khánh Hỷ biểu khánh khoái bình sanh, tâm tâm tương kế” (Khánh Hỷ biểu thị luôn luôn vui sướng, tâm tâm tiếp nối). Gặp gỡ Phật pháp, hoan hỷ, tin nhận phụng hành hoan hỷ, chúng đắc Vô Thượng Bồ Đề hoan hỷ, niệm niệm liên tiếp, chánh pháp thường trụ thế gian, vĩnh viễn bất đoạn.

Khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật kết thúc, tức là một vạn hai ngàn năm sau, nói thật ra, thời gian trọn chẳng dài. Một vạn hai ngàn năm Phật pháp bèn kết thúc, chẳng còn nữa! Vị Phật kế tiếp, tức vị Phật thứ năm, [chính là] Di Lặc Bồ Tát đến thành Phật trong thế gian này, khi nào Ngài sẽ giáng hạ? Trong bản chú giải này, cụ Niệm Tổ cũng [cho biết]: Năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm sau, Di Lặc Bồ Tát mới đến thành Phật trong thế gian này. Bởi vậy, hiện thời có kẻ nói Di Lặc Bồ Tát đã chường quản thiên bàn, đó là nói dối, chẳng thật, chẳng có lẽ ấy! Cách tính toán thời gian như thế nào? Tính theo [thời gian trên] cõi trời Đâu Suất. Một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian, thời gian sai biệt rất lớn, một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian! Một năm [trên cõi trời ấy] cũng giống như chúng ta, vì họ tính theo độ số của một vòng tròn là ba trăm sáu mươi độ, nên một năm là ba trăm sáu mươi ngày. Họ có thọ mạng dài bao lâu? Bốn ngàn năm. [Tuổi thọ] trên cõi trời Đâu Suất là bốn ngàn năm. Quý vị hãy tính toán từ từ, sẽ tính ra thời gian khớp với thế

gian này là năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, khi ấy, Ngài sẽ giáng thế. Trong thời gian rất dài ấy, chẳng có Phật pháp. Không có Phật pháp, con người rất khổ. Vì thế, đức Phật từ bi đến tột bậc, không có Phật thì kiếm người thay mặt Phật. Có người thay mặt đức Phật, người thay mặt đức Phật là ai? Người thay mặt đức Phật là Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát. Thời gian Địa Tạng Vương Bồ Tát độ chúng sanh còn dài hơn Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật độ chúng sanh mới là một vạn hai ngàn năm. Quý vị thấy Địa Tạng Vương độ chúng sanh phải trải qua thời gian bao lâu? Phàm khi Phật chẳng xuất thế, thầy đều do Địa Tạng Bồ Tát thay mặt. Vì thế, quý vị thấy mở đầu kinh Địa Tạng thật sự náo nhiệt, kinh này chẳng sánh bằng, kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng sánh bằng. Mười phương hết thầy chư Phật đều tới tham gia pháp hội. Vì sao? Trong quá khứ, mười phương chư Phật đều là học trò của Địa Tạng Bồ Tát. Học trò chẳng quên ân thầy, ngày hôm nay thầy mở pháp hội, lẽ nào trò chẳng đến? Đã thành Phật cũng phải đến để trang nghiêm đạo tràng. Vì vậy, pháp hội Địa Tạng trang nghiêm thù thắng khôn sánh.

“*Có tri nhất bộ đại kinh, chánh thị phó pháp truyền tâm*” (Vì vậy, biết một bộ Đại kinh đúng là phó pháp, truyền tâm), bốn chữ ấy (phó pháp truyền tâm) trọng yếu! Ngày nay chúng ta tiếp nhận bản kinh này, chẳng khác nào Thích Ca Mâu Ni Phật đem vô thượng diệu pháp truyền cho quý vị. “*Phó pháp*” là A Nan, tức truyền Giáo. Người “*truyền tâm*” là truyền Thiên Tông, tức tôn giả Ca Diếp. Trao một bộ kinh này cho quý vị, phó và tâm đều truyền cho quý vị. Đó là Tông Môn lẫn Giáo Hạ thầy đều truyền cho quý vị. “*Nhất cú danh hiệu, trực hiển bốn lai diện mục*” (một câu danh hiệu hiển lộ thẳng thừng diện mạo vốn có). Bốn lai diện mục là gì? Thường Tịch Quang! Vô Lượng Thọ! Trong kinh Di Đà, đức Phật nói rõ câu danh hiệu ấy biểu thị ý nghĩa Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Quang là Thường Tịch Quang, Vô Lượng Thọ là bất sanh bất diệt, chính là như khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt*”. Vốn chẳng sanh diệt là Vô Lượng Thọ. Ai nhận biết một câu A Di Đà Phật? Người niệm rất nhiều, nhưng chẳng nhận biết. Thật sự nhận biết, quý vị sẽ khẳng khẳng một câu Phật hiệu, thật sự buông xuống vạn duyên. Một câu Phật hiệu là bản tánh của quý vị, là hết thầy kinh giáo do Như Lai đã nói. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng tôi đã giảng điều này rất rõ ràng, chẳng giả tí nào, những vị tổ sư đại đức xưa kia đã phân tích. Mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai độ vô lượng vô biên chúng sanh, nói vô lượng vô biên Phật pháp, cuối cùng nói gọn một câu là A Di Đà Phật để tổng kết.

“*U thử tiến đắc, thi xưng đởi giác chi hồ*” (Lãnh hội được điều này thì mới đáng xưng là “hồ mọc thêm sừng”), phải hiểu đây là một thứ phương tiện thiện xảo để tổ sư tiếp dẫn người học Thiên Tông. Vì sao tổ sư nói như vậy? Dường như do Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư nói, đúng rồi, Ngài nói trong Tứ Liệu Giản. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đại triệt đại ngộ trong Thiên Tông, quay trở lại chuyên tu Tịnh Độ, chuyên niệm A Di Đà Phật, Ngài là tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ Tông, tức Tịnh Tông Lục Tổ, là A

Di Đà Phật tái lai. Quý vị thấy thuở ấy, phong thái Thiên vô cùng hưng thịnh, coi rẻ tu Tịnh Độ, Ngài đến biểu diễn, trước hết là tu Thiên, đại triệt đại ngộ nơi Thiên rồi tu Tịnh, nhằm bảo với người khác ý nghĩa gì? Tịnh còn thù thắng hơn Thiên, làm sao có thể khinh mạn cho được? Vì thế, Ngài khuyên những kẻ tu Thiên, “*có Thiên, có Tịnh Độ, giống như cọt thêm sừng*”. Quý vị tu Thiên, lại còn thêm Tịnh, tuyệt lắm! Vốn là cọt mà cọt lại mọc sừng. Khuyên người học Thiên, biết kẻ ấy chẳng phải là căn tánh Thiên Tông, mê nơi Thiên, chẳng thể khai ngộ, mà cũng chẳng đắc Định, dùng phương pháp ấy để dẫn dắt, tiếp dẫn kẻ ấy. Quý vị bảo kẻ ấy trực tiếp bỏ Thiên tu Tịnh, hẳn sẽ chẳng cam lòng, chẳng vâng chịu, chẳng thể tiếp nhận, nên dùng phương tiện thiện xảo như thế để khuyên chỉ hẳn. Lại còn đích thân nêu gương. “*U thử tiến đắc*” (lãnh hội điều này), giống như thiền sư Trung Phong, quý vị thấy thiền sư Trung Phong vì người đời sau soạn một bản nghi thức Tam Thời Hệ Niệm, tác phẩm ấy do chính Ngài biên soạn. Trong ấy, có một câu trọng yếu: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ). Hễ mê, quý vị thấy có sanh, có diệt. Sau khi ngộ, sẽ là bất sanh bất diệt. Do mê hay ngộ nên [cảm nhận] cảnh giới sai khác, chứ cảnh giới chẳng có mê hay ngộ, mê hay ngộ là do tự tâm của chúng ta. Sự thật là chẳng có sanh diệt.

Vì thế, các vị tổ sư đại đức khuyên dạy chúng ta, “*đản đương mạch trực niệm khứ, tiện thị vô thượng thâm Thiên*” (chỉ nên thẳng thừng mà niệm sẽ là vô thượng thâm Thiên). Câu “*vô thượng thâm Thiên*” là do chính Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, nhất tâm trì danh, tức là niệm một câu A Di Đà Phật, chính là vô thượng thâm diệu Thiên, hình như câu này được chép trong kinh Đại Tập. “*Vô luận định trì, tán niệm, quyết định công bất đường quên*” (Chẳng nệ định trì hay tán niệm, quyết định chẳng phí uổng công lao). “*Định trì*” là định khóa (ấn định thời hạn, giờ khắc nhất định), “*tán niệm*” là chẳng thuộc về định khóa, hễ có dịp bèn niệm Phật. Tán niệm chẳng phải là tâm tán loạn. Tâm tán loạn niệm Phật chẳng được, phải nhất tâm, phải dùng cái tâm cung kính để niệm Phật. “*Tán*” có nghĩa là chẳng thuộc vào lúc thực hiện định khóa, định khóa của chúng ta là khóa tụng sáng tối. Nhằm lúc chẳng phải là định khóa, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, Phật hiệu chẳng gián đoạn thì gọi là “*tán niệm*”, chắc chắn chẳng phí uổng công phu định lực. Những lời này đều do lão cư sĩ đã trích lược từ kinh văn và ngữ lục của tổ sư đại đức, đúng là chẳng giả tí nào!

“*Bốn kinh tiên liệt Thanh Văn, hậu chương Bồ Tát*” (Kinh này trước nêu Thanh Văn, sau kể Bồ Tát). “*Chương*” (彰) là nêu rõ, trước hết, nêu bày chúng Thanh Văn, sau đó là Bồ Tát chúng. “*Chánh như Phật Địa Luận đệ nhị*” (đúng như trong quyển hai của Phật Địa Luận), điều này được nói trong quyển thứ hai [của bộ luận ấy]: “*Tiên thuyết Thanh Văn, hậu thuyết Bồ Tát. Thanh Văn chúng giả, cận đối Thế Tôn, thân thọ hóa cố. Hựu chư Thanh Văn, thường tùy Phật cố, hình đồng Phật cố. Thị cố chư kinh đa thị tiên Thanh Văn, nhi hậu Bồ Tát*” (Trước nói Thanh Văn, sau nêu Bồ Tát. Chúng



Thanh Văn gần gũi Thế Tôn vì được đức Phật đích thân giáo hóa. Hơn nữa, các Thanh Văn do thường theo đức Phật nên hình tướng giống với đức Phật. Vì vậy, phần nhiều các kinh thường nêu Thanh Văn rồi mới nói đến Bồ Tát). Đây là nói về sự biểu thị pháp của đại chúng, trình bày đơn giản về sự sắp xếp theo thứ tự thuận của các Ngài. Thanh Văn là học trò chưa khai ngộ, tuy đắc Định, A La Hán là đắc Định, Cửu Thứ Đệ Định chứng quả A La Hán, nhưng chưa đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tánh, chúng ta biết các Ngài chỉ đoạn Kiến Tư phiền não. Trong kinh Đại Thừa thường nói đến tam giới trong lục đạo, tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chứng Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Nếu đem Tư Hoặc, Tư Hoặc gồm tám mươi một phẩm, chia ra phối hợp với chín địa, mỗi địa gồm chín phẩm thì chín lần chín thành tám mươi một phẩm Tư Hoặc. Đoạn hết Tư Hoặc, Tư Hoặc là tham, sân, si, mạn, nghi, gồm năm loại lớn ấy. Vì thế, Nghi là phiền não rất nghiêm trọng, hoại nghi đấy! Đối với gì mà nói [là nghi]? Đối với thánh giáo mà nói, quý vị hoại nghi Thích Ca Mâu Ni Phật, hoại nghi kinh điển nhà Phật, hoại nghi giáo huấn của đức Phật. Còn có một thứ nữa là hoại nghi chính mình, bản thân ta tạo tác tội nghiệp quá nặng, ta có thể thành tựu trong một đời này hay không? Niệm ấy thuộc về nghi, đó là phiền não rất nghiêm trọng.

Đoạn hết tham, sân, si, mạn, nghi, tám mươi tám phẩm trong tam giới thấy đều đoạn hết, lục đạo sẽ chẳng còn. Lục đạo là giả, chẳng thật. Lục đạo giống như nằm mộng, quý vị đoạn được nó là tỉnh mộng. Vĩnh Gia đại sư nói rất hay: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), tỉnh rồi. Tỉnh giác là cảnh giới gì? Là tứ thánh pháp giới, vẫn còn ở trong mộng. Bởi lẽ, lục đạo là mộng trong mộng, sau khi ra khỏi lục đạo, từ trong mộng tỉnh giác, vẫn thuộc về giác mộng này. Vẫn phải đoạn nữa, số lượng [phiền não] cũng rất nhiều, kinh Hoa Nghiêm gọi chúng là “phân biệt”, phân biệt nhẹ hơn chấp trước, nhưng rất khó đoạn, vì sao? Quá nhiều! Quý vị thấy ý niệm phân biệt, niệm trước diệt, niệm sau liền sanh. Phân biệt được gọi là Trần Sa phiền não. Trần Sa là tỷ dụ rất nhiều, khởi tâm động niệm đều phân biệt. Đoạn phân biệt phiền não thì là Bồ Tát. Do vậy, trong tứ thánh pháp giới, chúng ta biết, Thanh Văn đoạn Kiến Tư, vẫn có tập khí Kiến Tư. Bích Chi Phật đoạn tập khí Kiến Tư, có Trần Sa phiền não. Đoạn Trần Sa phiền não, thành Bồ Tát, lại tiến cao hơn một cấp, nhưng vẫn có tập khí Trần Sa. Tập khí Trần Sa đoạn hết, sẽ thành Phật, tức là Phật trong mười pháp giới, là vị trí cao nhất trong mười pháp giới. Tuy thành Phật, hãy còn vô thị vô minh phiền não, tức là khởi tâm động niệm. Phải đoạn hết vô minh phiền não, chẳng khởi tâm, không động niệm, khi ấy, thật sự tỉnh giác, tứ thánh pháp giới chẳng còn, mười pháp giới không có. Do vậy, tứ thánh pháp giới cũng chẳng phải là thật. Mười pháp giới không có, xuất hiện cảnh giới gì? Nhất Chân pháp giới. Vì sao gọi là Nhất Chân? Trong pháp giới ấy không có biến hóa, trong mười pháp giới có biến hóa, chứ pháp giới này không có biến hóa. Vì sao? Không có phân biệt, chấp trước. Biến hóa do phân biệt, chấp trước sanh ra, ngay cả thời gian và không gian cũng đều có biến hóa. Vì thế, hễ vào trong

Nhất Chân pháp giới, thời gian lẫn không gian đều không có. Thời gian không có, chẳng có trước sau. Không gian không có, khoảng cách chẳng còn. Trọn khắp pháp giới hư không giới là Nhất Chân pháp giới. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ngay nơi đây. A Di Đà Phật thành Phật khi nào? Ngay giây phút này! Thời gian và không gian chẳng có, đó là thật sự thành Phật.

Thiên Thai đại sư giảng: Phật trong mười pháp giới gọi là Tương Tự Tức Phật, vượt thoát mười pháp giới sẽ là thật, tức Phần Chứng Tức Phật. Vì sao phần chứng? Chưa viên mãn. Vì sao chưa viên mãn? Chẳng khởi tâm động niệm, nên vô thi vô minh chẳng còn, nhưng tập khí vô thi vô minh hãy còn. Tập khí ấy chẳng dễ đoạn, không giống với những thứ trước đó. Trước đó là tập khí Kiến Tư và tập khí Trần Sa đều dễ đoạn, đều có phương pháp đối trị, chỉ riêng vô thi vô minh là không có phương pháp đối trị. Quý vị chỉ có một phương pháp, nếu đối trị nó sẽ ngay lập tức lọt vào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, toàn bộ đều có! Vì vậy, khi đó, cổ đại đức nói là “vô công dụng đạo”, để mặc nó, tuyệt đối chẳng quan tâm tới nó, tuyệt đối đừng khởi tâm động niệm, tự nhiên tập khí ấy sẽ bị đào thải từ từ. Phải mất thời gian bao lâu? Kinh nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chúng sẽ chẳng còn. Do vậy, thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói với ai? Chẳng phải là nói với kẻ phàm nhân! Nói theo phía người phàm sẽ là vô lượng kiếp! [Nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp] là nói với Pháp Thân Bồ Tát, tức Viên Giáo Sơ Trụ, ngày nào quý vị minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, tính từ lúc ấy, sẽ phải trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, tập khí vô thi vô minh sẽ tự nhiên chẳng còn. Do vậy, trong Nhất Chân pháp giới, đức Phật nói có bốn mươi một tầng cấp, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một giai cấp, bốn mươi một giai cấp ấy do đâu mà có? Do tập khí vô minh dày hay mỏng, do vậy mà có! Không có cách nào có thể đoạn tập khí vô minh. Hễ quý vị có một cách, quý vị thấy đó, nhất định là quý vị khởi phân biệt, khởi chấp trước, bèn đọa lạc. Vì thế, ở đây, chẳng thể khởi tâm động niệm. Trong cảnh giới ấy, quả thật không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Vì thế, chúng ta phải liễu giải, thế giới ấy là thế giới bình đẳng, bốn mươi một địa vị là bình đẳng. Không chỉ bốn mươi một địa vị bình đẳng, ngay cả Phật quả rốt ráo, tức địa vị Diệu Giác cũng bình đẳng, thật sự bình đẳng.

Từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, Sơ Trụ Bồ Tát vừa mới giác ngộ, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có năng lực: Chúng sanh trong mười pháp giới có cảm, Ngài có thể ứng. Nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn có thể hiện ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể hiện thân Phật. Nên dùng thân Bồ Tát đắc độ, có thể hiện thân Bồ Tát. Thân nào cũng đều có thể hiện, pháp gì cũng đều có thể giảng, chẳng có chướng ngại, có khác gì với địa vị Diệu Giác hay chăng? Đúng là chẳng sai biệt! Quý vị thấy: Khởi tác dụng, tự hành, hóa tha chẳng bị chướng ngại, chỉ có một chỗ khác biệt là chưa hoàn toàn thoát khỏi tập khí. Do vậy có Nhất Chân pháp giới, trong cảnh giới ấy, thân tướng quý vị vĩnh hằng không thay đổi, cũng có nghĩa là chẳng có sanh, lão, bệnh, tử. Trong thế gian này, chúng ta có sanh, lão, bệnh,

tử, có biến hóa! Trong thế giới ấy chẳng có, cây cối, hoa, cỏ chẳng có Xuân sanh, Hạ tăng trưởng, Thu gặt hái, chẳng có! Hoa vĩnh viễn tươi tốt như vậy, vĩnh viễn đẹp đẽ như vậy, vĩnh viễn thơm tho như vậy. Núi, sông, đại địa, những thứ ấy đều chẳng thay đổi, là vĩnh hằng. Vì thế gọi là Nhất Chân, chẳng có biến hóa. Do vậy, phải biết: Biến hóa là do cái tâm chúng ta. Tâm chúng ta biến hóa, nên cảnh giới bên ngoài thấy đều có biến hóa. Vì vậy, người nhập Định, trong Định chẳng có biến hóa, cảnh giới trong Định chẳng biến hóa. Do đó, trong Định có thể thấy quá khứ, có thể thấy vị lai. Vì quý vị chẳng có biến hóa, nên có thể thấy cảnh giới bên ngoài biến hóa. Quý vị không có thời gian và không gian, nên có thể đến quá khứ, và cũng có thể đến tương lai. Vì thế, Định phát sanh thần thông, đó là đức năng, bản năng của quý vị bộc lộ.

Nhất Chân pháp giới là thật ư? Thật ra, chẳng phải là thật. Nhất Chân pháp giới cũng chẳng thật. Nó là gì? Tập khí vô thi vô minh biến hiện, ngày nào đoạn hết tập khí vô thi vô minh, cảnh giới này sẽ chẳng thấy nữa! Sau khi không thấy thì thứ gì hiện tiền? Thường Tịch Quang hiện tiền, Thường Tịch Quang là bản tánh của chính mình, hoàn toàn trở về tự tánh. Trong Thường Tịch Quang, quý vị chẳng thấy hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng thấy hiện tượng tinh thần, một bầu quang minh. Do vậy, trong kinh có bốn chữ để hình dung nó, tức là Đại Quang Minh Tạng, đấy là Thường Tịch Quang. Huệ Năng đại sư nói sáu câu là nói về cảnh giới nào? Cảnh giới Thường Tịch Quang. Câu cuối cùng nói về cảnh giới trong pháp giới hư không giới. Quý vị thấy phần trước đã nói: Câu đầu tiên là “*vốn tự thanh tịnh*”, chẳng nhiễm ô, tự tánh chẳng có nhiễm ô. Nay chúng ta ở trong lục đạo, cho đến đọa trong tam đồ, có nhiễm ô hay không? Không có! Tự tánh vĩnh viễn chẳng bị nhiễm ô. Nhiễm ô là gì? Nhiễm ô là A Lại Da, đặc biệt là Mạt Na, Mạt Na gọi là “nhiễm ô ý”. Do tự tánh chẳng bị nhiễm ô, tự tánh không có sanh diệt, “*vốn chẳng sanh diệt*”, đấy mới là chính mình, là linh tánh của chính mình, là bản tánh của chính mình, chớ nên không biết điều này. “*Vốn tự trọn đủ*”, câu này nói về Ân, nó trọn đủ, nhưng chẳng hiển hiện. Trọn đủ gì vậy? Trọn đủ hết thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong pháp giới hư không giới, vốn tự trọn đủ. “*Vốn chẳng dao động*”, chưa từng lay động. Động là khởi hiện tượng, không động bèn chẳng hiện tượng.

Như vậy thì pháp giới do đâu mà có? Nhất niệm bất giác bèn có vô minh. Vô minh là A Lại Da, [hay nói rõ hơn] vô minh là nghiệp tướng của A Lại Da. Từ nghiệp tướng biến hiện một chuyển tướng, từ chuyển tướng biến hiện một cảnh giới tướng. Chúng được gọi là ba tế tướng của A Lại Da. Tốc độ chuyển biến quá nhanh, Di Lạc Bồ Tát bảo là trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Bao nhiêu nghiệp tướng? Đối với nghiệp, chư vị phải biết nghiệp là chấn động, khoa học hiện tại gọi nó là chấn động, tức là nó động. Đối với nhất niệm của chúng ta, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu chấn động, tần suất ra sao? Ngài bảo chúng ta, ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu, quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu.

“Niệm niệm thành hình”, “hình” là hiện tượng vật chất, mỗi một niệm đều có một hiện tượng vật chất. Trong một cái khay ngón tay, sẽ thấy một hiện tượng vật chất, nó là ba trăm hai mươi triệu niệm, các hình tướng ấy tích lũy tại nơi đó, các khoa học gia dùng kính hiển vi trông thấy. Nếu quý vị nhìn trong một giây, sẽ thấy nó tồn tại một giây rồi bỗng nhiên không có, một giây tích lũy bao nhiêu? Tôi nghĩ khay nhanh, có thể khay năm lần, khay năm lần là một ngàn sáu trăm triệu, quý vị thấy một ngàn sáu trăm triệu lượt tích lũy, để cho quý vị thấy hiện tượng ấy trong một giây, sau một giây sẽ chẳng còn thì các khoa học gia có thể thấy được; chứ các khoa học gia chẳng có cách nào thấy một phần trong một ngàn sáu trăm triệu phần của một giây, họ chẳng nhìn thấy điều ấy; nhưng thấy được [trong một giây] là đã rất giỏi rồi, chúng tôi thật sự rất bội phục. Trong một giây họ có thể thấy chuyện này, biết trong Không sanh ra Có, sanh rồi liền lập tức diệt, tốc độ quá nhanh chóng!

Chuyển tướng là thông tin, khoa học gia gọi nó là thông tin. Nghiệp tướng là năng lượng, dao động là năng lượng; cảnh giới tướng là vật chất. Do vậy, các khoa học gia, tức các khoa học gia Lượng Tử, nói trong vũ trụ chỉ có ba thứ ấy (năng lượng, thông tin và vật chất). Trừ ba thứ ấy ra, thứ gì cũng đều không có. Trong Phật pháp, quý vị thấy các vị đại sư thuộc Pháp Tướng Duy Thức nói trong vũ trụ thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có A Lại Da, đây cũng là ba tế tướng của A Lại Da, nên gọi là Duy Thức. Chỉ có mình Thức, ngoài Thức ra, toàn bộ đều là giả. Giống như kính vạn hoa; kính vạn hoa có gì? Có ba mảnh màu khác nhau. Chuyển động là năng lượng, năng lượng đang chuyển động. Nhìn từ chuyển động, quý vị thấy có vô lượng vô biên kiểu mẫu kết cấu (pattern) xuất hiện. Thật sự hiểu rõ thì chúng đâu có nhiều ngàn ấy! Chẳng qua là ba mảnh nhỏ màu sắc rực rỡ khác nhau mà thôi! Nay chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong cả vũ trụ, tức là chúng đang động. Nếu chúng không động, sẽ biến thành ba thứ (nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng). Khoa học Lượng Tử đối với Phật pháp rất hữu dụng. Dựa theo cách ghi chép năm tháng của Trung Quốc, cho đến năm nay, Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ ba ngàn năm, người Trung Quốc nói là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm. Từ khi đức Phật diệt độ cho đến hiện thời, khoa học gia phát hiện A Lại Da, cho thấy Pháp Tướng Tông nói chẳng sai tí nào! Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây!